

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ LỄ TỐT NGHIỆP NGÀY 01/6/2025
NĂM 2025 - LẦN 1 (BUỔI SÁNG)**

Sinh viên **ghi nhớ số ghế** trong danh sách để ngồi đúng vị trí theo sơ đồ

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	370	22682039	Nguyễn Thành	An	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Xuất sắc	
2	369	22682001	Nguyễn Mai	Ly	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Xuất sắc	
3	368	22682005	Nguyễn Nhật	Hào	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Giỏi	
4	367	22682004	Lê Ngọc	Hương	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Giỏi	
5	366	22682022	Trịnh Thị Xuân	Quỳnh	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Giỏi	
6	365	22682053	Nguyễn Hữu	Nguyên	18CKS02	18	Quản trị khách sạn	Giỏi	
7	364	22682017	Lê Thị Tường	Vi	18CKS02	18	Quản trị khách sạn	Giỏi	
8	363	21682048	Nguyễn Lâm Ngọc	Hân	17CKS01	17	Quản trị khách sạn	Khá	
9	362	21682004	Nguyễn Huỳnh	Hiệp	17CKS01	17	Quản trị khách sạn	Khá	
10	361	21682040	Lê Nhật Quỳnh	Như	17CKS01	17	Quản trị khách sạn	Khá	
11	360	21682009	Trang Minh	Quý	17CKS01	17	Quản trị khách sạn	Khá	
12	359	22682014	Trần Hoàn	Châu	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Khá	
13	358	22682009	Nguyễn Thị	Huệ	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Khá	
14	357	22682003	Trần Thị Ngọc	Mẫn	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Khá	
15	356	22682028	Nguyễn Kim	Nga	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Khá	
16	355	22682032	Nguy Lê Quyền	Trân	18CKS01	18	Quản trị khách sạn	Khá	
17	354	22682042	Phạm Duy	Khoa	18CKS02	18	Quản trị khách sạn	Khá	
18	353	22682013	Nguyễn Trần Tường	Vy	18CKS02	18	Quản trị khách sạn	Khá	
19	352	21682018	Hồ Thị Hồng	Ân	17CKS01	17	Quản trị khách sạn	Trung bình	
20	351	21682049	Võ Đình Thái	Uyên	17CKS01	17	Quản trị khách sạn	Trung bình	
21	350	22682061	Nguyễn Tuấn	Anh	18CKS02	18	Quản trị khách sạn	Trung bình	
22	349	22682031	Nguyễn Văn Quang	Vinh	18CKS02	18	Quản trị khách sạn	Trung bình	
23	348	22651026	Tiêu Thiên	Hồng	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Giỏi	
24	347	22651011	Võ Thành	Huy	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Giỏi	
25	346	22651002	Huỳnh Phạm Mai	Liên	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Giỏi	
26	345	22651021	Bùi Ngọc Thanh	Thảo	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Giỏi	
27	344	22651027	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Giỏi	
28	343	22651008	Biện Đàm Diệu	Ái	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
29	342	22651024	Châu Kim	Ân	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
30	341	22651007	Trương Bảo	Hân	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
31	340	22651004	Nguyễn Đình Đan	Huy	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
32	339	22651018	Dư Gia	Linh	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
33	338	22651015	Từ Thị Thúy	Nguyễn	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
34	337	22651022	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
35	336	22651023	Trần Cẩm	Tinh	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
36	335	22651006	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
37	334	22651025	Trần Vương Bảo	Yến	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Khá	
38	333	22651032	Nguyễn Văn Hùng	Cường	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Trung bình	
39	332	22651014	Huỳnh Thị Kim	Chi	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Trung bình	
40	331	22651017	Trần Mỹ	Ngọc	18CIM01	18	Quản lý công nghiệp	Trung bình	
41	330	22671019	Nguyễn Thị Thu	Huế	18CTX01	18	Công tác xã hội	Xuất sắc	
42	329	22671003	Châu Tôn	Vinh	18CTX01	18	Công tác xã hội	Xuất sắc	
43	328	22671017	Nguyễn Khánh	Chung	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
44	327	22671020	Đỗ Thị	Hạnh	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
45	326	22671022	Phong	Lan	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
46	325	22631329	Huỳnh Nguyễn Trà	My	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
47	324	22671009	Trịnh Tuyết	Nhi	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
48	323	22671021	Hoàng Thị Phương	Thảo	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
49	322	22671011	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
50	321	22671027	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	18CTX01	18	Công tác xã hội	Giỏi	
51	320	22671004	Lương Nguyễn Phước	An	18CTX01	18	Công tác xã hội	Khá	
52	319	22671025	Nguyễn Ngọc	Linh	18CTX01	18	Công tác xã hội	Khá	
53	318	22681028	Nguyễn Ngọc Tiểu	Tuyết	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Xuất sắc	
54	317	22681025	Nguyễn Thị	Loan	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Giỏi	
55	316	22681012	Ngô Hoài	Mộng	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Giỏi	
56	315	22681045	Huỳnh Trung	Tín	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Giỏi	
57	314	22681005	Lê Bảo	Trâm	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Giỏi	
58	313	20681019	Đoàn Ngọc Yến	Linh	16CDL01	16	Hướng dẫn du lịch	Khá	
59	312	22681034	Trần Thị Thảo	Nguyễn	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Khá	
60	311	22681010	Quan Phôi	Phụng	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Khá	
61	310	22681033	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Khá	
62	309	22681008	Trúc Mỹ	Phụng	18CDL01	18	Hướng dẫn du lịch	Trung bình	
63	308	22635032	Phạm Kim	Như	18CFB02	18	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	
64	307	22635082	Đình Nhật Tường	Vi	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	
65	306	22635108	Hàng Thị Phương	Diễm	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	
66	305	22635098	Trần Phi	Hùng	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	
67	304	22635030	Phạm Thị Mỹ	Tiên	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
68	303	22635016	Khuru Tú	Thảo	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
69	302	22635022	Nguyễn Lê Uyên	Trâm	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
70	301	22635010	Ngô Thị Phương	Trâm	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
71	300	22635072	Nguyễn Anh	Hào	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
72	299	22635083	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
73	298	22635070	Trương Diễm	Phương	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
74	297	22635061	Lý Thị Thuỳ	Trang	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
75	296	22635126	Huỳnh Thị Trúc	Vy	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
76	295	22635128	Hoàng Thị Như	Quỳnh	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
77	294	22635095	Phan Thị Kim	Thoa	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	
78	293	19635142	Võ Thanh	Phúc	15CFB01	15	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
79	292	22635012	Võ Thị Diệu	An	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
80	291	22635023	Nguyễn Hải	Khương	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
81	290	22635019	Vũ Trần Bích	Trâm	18CFB01	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
82	289	22635048	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	18CFB02	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
83	288	22635047	Ngô Thị Kiều	Oanh	18CFB02	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
84	287	22635063	Bùi Tuấn	Anh	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
85	286	22635089	Võ Thị Lan	Hương	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
86	285	22635066	Vương Diệu	Khánh	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
87	284	22635086	Huỳnh Ngọc Thu	Nguyên	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
88	283	22635074	Lưu Ngọc	Quỳnh	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
89	282	22635062	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
90	281	22635078	Lê Huy	Trường	18CFB03	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
91	280	22635119	Võ Thị Quỳnh	Anh	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
92	279	22635093	Đậu Đức	Bách	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
93	278	22635114	Võ Đại Minh	Đầu	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
94	277	22635092	Vy Thanh	Nhật	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
95	276	22635115	Phan Đoàn Như	Quỳnh	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
96	275	22635109	Nguyễn Thị	Thảo	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
97	274	22635120	Trịnh Võ Ngọc	Trâm	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Khá	
98	273	21635038	Nguyễn Thị Thanh	Mai	17CFB02	17	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình	
99	272	21635034	Nguyễn Khánh	Ngân	17CFB02	17	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình	
100	271	21635087	Đào Minh	Ngân	17CFB03	17	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình	
101	270	22635051	Nguyễn	Hòa	18CFB02	18	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình	
102	269	22635104	Nguyễn Huy	Hưng	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình	
103	268	22635103	Doãn Thị Hoàng	Thư	18CFB04	18	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình	
104	267	22621006	Đào Xuân	Minh	18CTA01	18	Tiếng Anh	Xuất sắc	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
105	266	22621027	Nguyễn Mai Ý	Nhi	18CTA01	18	Tiếng Anh	Xuất sắc	
106	265	22621136	Lê Khương Kim	Ngọc	18CTA05	18	Tiếng Anh	Xuất sắc	
107	264	22621174	Lê Hoàng Khánh	Duyên	18CTA06	18	Tiếng Anh	Xuất sắc	
108	263	21621008	Nguyễn Thanh	Tú	17CTA01	17	Tiếng Anh	Giỏi	
109	262	21621158	Ngô Thanh	Hân	17CTA06	17	Tiếng Anh	Giỏi	
110	261	22621014	Phạm Đăng Bảo	Trân	18CTA01	18	Tiếng Anh	Giỏi	
111	260	22621090	Nguyễn Thị Thảo	Linh	18CTA03	18	Tiếng Anh	Giỏi	
112	259	22621064	Lê Nguyễn Như	Ngọc	18CTA03	18	Tiếng Anh	Giỏi	
113	258	22621069	Nguyễn Như	Ý	18CTA03	18	Tiếng Anh	Giỏi	
114	257	22621158	Trần Hữu	Hòa	18CTA06	18	Tiếng Anh	Giỏi	
115	256	22621185	Trần Hữu	Thành	18CTA06	18	Tiếng Anh	Giỏi	
116	255	20621163	Nguyễn Bích Hoài	Thương	16CTA03	16	Tiếng Anh	Khá	
117	254	21621109	Hoàng Đăng	Khoa	17CTA04	17	Tiếng Anh	Khá	
118	253	21621106	Trần Trung	Nghĩa	17CTA04	17	Tiếng Anh	Khá	
119	252	21621143	Trịnh Hiếu	Nguyên	17CTA05	17	Tiếng Anh	Khá	
120	251	21621170	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	17CTA06	17	Tiếng Anh	Khá	
121	250	21621156	Hoàng Hải	My	17CTA06	17	Tiếng Anh	Khá	
122	249	21621200	Nguyễn Hà Mỹ	Duy	17CTA07	17	Tiếng Anh	Khá	
123	248	21621201	Phạm Mỹ	Hiếu	17CTA07	17	Tiếng Anh	Khá	
124	247	21621181	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	17CTA07	17	Tiếng Anh	Khá	
125	246	21621196	Phạm Kim	Thùy	17CTA07	17	Tiếng Anh	Khá	
126	245	21621204	Võ Thị Thùy	Trâm	17CTA07	17	Tiếng Anh	Khá	
127	244	21621191	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	17CTA07	17	Tiếng Anh	Khá	
128	243	21621219	Võ An Phương	Thảo	17CTA08	17	Tiếng Anh	Khá	
129	242	21621233	Nguyễn Thái Nhật	Thùy	17CTA08	17	Tiếng Anh	Khá	
130	241	22621030	Nguyễn Bảo Thiên	Hương	18CTA01	18	Tiếng Anh	Khá	
131	240	22621023	Đặng	Thúy	18CTA01	18	Tiếng Anh	Khá	
132	239	22621008	Hồ Cẩm	Vân	18CTA01	18	Tiếng Anh	Khá	
133	238	22621081	Chan Thị Hạnh	Duyên	18CTA03	18	Tiếng Anh	Khá	
134	237	22621063	Đào Thị Thúy	Kiều	18CTA03	18	Tiếng Anh	Khá	
135	236	22621066	Hồng Bảo	Yến	18CTA03	18	Tiếng Anh	Khá	
136	235	22621093	Bùi Lê Khánh	Duy	18CTA04	18	Tiếng Anh	Khá	
137	234	22621095	Lê Phạm Hoài	Thương	18CTA04	18	Tiếng Anh	Khá	
138	233	22621149	Phạm Thị Thùy	Dương	18CTA05	18	Tiếng Anh	Khá	
139	232	22621134	Đặng Thanh	Lam	18CTA05	18	Tiếng Anh	Khá	
140	231	22621139	Trần Quốc	Minh	18CTA05	18	Tiếng Anh	Khá	
141	230	22621128	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18CTA05	18	Tiếng Anh	Khá	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
142	229	22621145	Nguyễn Thị Hồng	Vân	18CTA05	18	Tiếng Anh	Khá	
143	228	21621146	Vũ Lan	Anh	17CTA05	17	Tiếng Anh	Trung bình	
144	227	22621070	Nguyễn Tường	Vy	18CTA03	18	Tiếng Anh	Trung bình	
145	226	22621176	Trương Phương	Huyền	18CTA06	18	Tiếng Anh	Trung bình	
146	225	22622027	Lê Thị Kim	Thư	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc	Xuất sắc	
147	224	22622056	Nguyễn Hà Phương	Thảo	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Xuất sắc	
148	223	22622021	Cao Thị Bích	Quyên	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc	Giỏi	
149	222	22622048	Ngư Nữ Trúc	Đào	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Giỏi	
150	221	22622083	Lê Kim	Nhàn	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Giỏi	
151	220	22622050	Lâm Thị Như	Ý	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Giỏi	
152	219	22622028	Văn Thị Huỳnh	Ý	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc	Khá	
153	218	22622052	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Khá	
154	217	22622077	Phan Thị Diễm	My	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Khá	
155	216	22622032	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CKR02	18	Tiếng Hàn Quốc	Khá	
156	215	22622082	Đinh Nguyễn Mai	Xuân	18CKR01	18	Tiếng Hàn Quốc	Trung bình	
157	214	22662007	Lê Đình Tiến	Anh	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Xuất sắc	
158	213	22662044	Nguyễn Vinh	Hiển	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Xuất sắc	
159	212	22662006	Đinh Phát	Đạt	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
160	211	22662004	Trần Thị Phi	Nhung	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
161	210	22662030	Nguyễn Phú	Thắng	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
162	209	22662008	Trần Hương	Trúc	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
163	208	22662057	Dương Tùng	Dương	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
164	207	22661115	Nguyễn Trung Gia	Huy	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
165	206	22662040	Nguyễn Thị Hồng	Minh	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
166	205	22662054	Lê Thị Kim	Ngân	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
167	204	22662049	Trần Quốc	Toàn	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Giỏi	
168	203	21661072	Đỗ Lê Kỳ	Duyên	17CSI01	17	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
169	202	21662008	Trần Ngọc	Khoa	17CSI01	17	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
170	201	22661063	Ngô Lục Hải	Đường	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
171	200	22662002	Đoàn Ngọc	Hưng	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
172	199	22661102	K'	Kiệt	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
173	198	22662001	Nguyễn Hoàng Băng	Nhi	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
174	197	22662012	Trương Nguyễn Đoan	Trang	18CSI01	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
175	196	22662055	Tôn Nguyễn Trung	Hiếu	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
176	195	22661093	Huỳnh Hoàng	Hưng	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
177	194	22662050	Phan Tuấn	Kiệt	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
178	193	22662043	Nguyễn Đặng Duy	Kha	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
179	192	22662034	Phạm Thành	Trung	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
180	191	22662051	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Khá	
181	190	22662056	Nguyễn Phạm	Duy	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Trung bình	
182	189	22661051	Trần Xuân	Quyền	18CSI02	18	Công nghệ thông tin (UDPM)	Trung bình	
183	188	22661037	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Xuất sắc	
184	187	22661002	Lương Quang	Điệp	18CIT01	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
185	186	22661023	Lương Văn	Huy	18CIT01	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
186	185	22661034	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
187	184	22661031	Lao Thành	Phát	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
188	183	22661038	Nguyễn Trung	Tín	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
189	182	22661064	Văn Kiên	Vinh	18CIT03	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
190	181	22661145	Nguyễn Phúc	Thiện	18CIT05	18	Công nghệ thông tin	Giỏi	
191	180	21661046	Nguyễn Thành	Nhân	17CIT02	17	Công nghệ thông tin	Khá	
192	179	21661047	Nguyễn Ngọc	Thạch	17CIT02	17	Công nghệ thông tin	Khá	
193	178	21661087	Huỳnh Xuân	Phát	17CIT03	17	Công nghệ thông tin	Khá	
194	177	22661008	Trần Hồ Nhật	Luân	18CIT01	18	Công nghệ thông tin	Khá	
195	176	22661029	Lê Thị Thảo	Trình	18CIT01	18	Công nghệ thông tin	Khá	
196	175	22661030	Lưu Quốc	Trung	18CIT01	18	Công nghệ thông tin	Khá	
197	174	22661053	Văn Yên	Mi	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Khá	
198	173	22661041	Huỳnh Thị	Như	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Khá	
199	172	22661036	Hồ Thành	Vinh	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Khá	
200	171	22661087	Trần Thị	Bích	18CIT03	18	Công nghệ thông tin	Khá	
201	170	22661100	Nguyễn Chí	Linh	18CIT04	18	Công nghệ thông tin	Khá	
202	169	22661117	Nguyễn Quang	Quý	18CIT04	18	Công nghệ thông tin	Khá	
203	168	22661137	Huỳnh Trung	Thành	18CIT05	18	Công nghệ thông tin	Khá	
204	167	22661055	Võ Xuân	Thắng	18CIT02	18	Công nghệ thông tin	Trung bình	
205	166	19691322	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	15AKT02	15	Kế toán	Xuất sắc	
206	165	22631019	Nguyễn Thị Hồng	Giáng	18CKT01	18	Kế toán	Xuất sắc	
207	164	22631025	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18CKT01	18	Kế toán	Xuất sắc	
208	163	22631029	Lữ Thị Mai	Hương	18CKT01	18	Kế toán	Xuất sắc	
209	162	22631052	Phạm Thị Ngọc	Diệu	18CKT02	18	Kế toán	Xuất sắc	
210	161	22631031	Võ Thái	Hòa	18CKT02	18	Kế toán	Xuất sắc	
211	160	22631038	Nguyễn Dương Ánh	Ngân	18CKT02	18	Kế toán	Xuất sắc	
212	159	22631056	Nguyễn Thị Minh	Phương	18CKT02	18	Kế toán	Xuất sắc	
213	158	22631138	Lê Mỹ	Thanh	18CKT05	18	Kế toán	Xuất sắc	
214	157	22631170	Nguyễn Ngọc Mỹ	Duyên	18CKT06	18	Kế toán	Xuất sắc	
215	156	22631229	Nguyễn Thị Kim	Quý	18CKT08	18	Kế toán	Xuất sắc	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
216	155	22631318	Nguyễn Đặng Hoàng	Yến	18CKT11	18	Kế toán	Xuất sắc	
217	154	22631331	Nguyễn Minh	Hiền	18CKT12	18	Kế toán	Xuất sắc	
218	153	22631340	Nguyễn Ngọc	Mai	18CKT12	18	Kế toán	Xuất sắc	
219	152	22631336	Phan Hoàng Anh	Thư	18CKT12	18	Kế toán	Xuất sắc	
220	151	22631405	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18CKT14	18	Kế toán	Xuất sắc	
221	150	22631400	Đặng Thị Thanh	Ngân	18CKT14	18	Kế toán	Xuất sắc	
222	149	22631467	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	18CKT16	18	Kế toán	Xuất sắc	
223	148	22631506	Phạm Thanh Lâm	Anh	18CKT17	18	Kế toán	Xuất sắc	
224	147	22631511	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	18CKT17	18	Kế toán	Xuất sắc	
225	146	22631526	Đào Thu	Trang	18CKT18	18	Kế toán	Xuất sắc	
226	145	22631520	Nguyễn Thụy Thu	Uyên	18CKT18	18	Kế toán	Xuất sắc	
227	144	22631009	Huỳnh Thị Ngọc	Hiền	18CKT01	18	Kế toán	Giỏi	
228	143	22631028	Nguyễn Ngọc	Phương	18CKT01	18	Kế toán	Giỏi	
229	142	22631039	Trần Mỹ	Ân	18CKT02	18	Kế toán	Giỏi	
230	141	22631053	Bùi Thị Mỹ	Dung	18CKT02	18	Kế toán	Giỏi	
231	140	22631044	Võ Thị Hồng	Loan	18CKT02	18	Kế toán	Giỏi	
232	139	22631054	Nguyễn Trọng	Nghĩa	18CKT02	18	Kế toán	Giỏi	
233	138	22631586	Nguyễn Trúc	Thanh	18CKT03	18	Kế toán	Giỏi	
234	137	22631067	Phạm Nguyễn Ngọc Anh	Thư	18CKT03	18	Kế toán	Giỏi	
235	136	22631064	Phạm Thị Thúy	Vi	18CKT03	18	Kế toán	Giỏi	
236	135	22631113	Lê Thị Hồng	Ngát	18CKT04	18	Kế toán	Giỏi	
237	134	22631092	Ngô Thị Thanh	Trúc	18CKT04	18	Kế toán	Giỏi	
238	133	22631124	Lâm Thị Ngọc	Huyền	18CKT05	18	Kế toán	Giỏi	
239	132	22631133	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CKT05	18	Kế toán	Giỏi	
240	131	22631150	Vũ Thị Thanh	Thúy	18CKT05	18	Kế toán	Giỏi	
241	130	22631160	Vũ Thị	Huế	18CKT06	18	Kế toán	Giỏi	
242	129	22631182	Dương Thị Kim	Loan	18CKT07	18	Kế toán	Giỏi	
243	128	22631196	Nguyễn Trần Đan	Minh	18CKT07	18	Kế toán	Giỏi	
244	127	22631218	Nguyễn Thị Minh	Anh	18CKT08	18	Kế toán	Giỏi	
245	126	22631234	Nguyễn Cao Yến	Nhi	18CKT08	18	Kế toán	Giỏi	
246	125	22631257	Nguyễn Thị Ngân	Hà	18CKT09	18	Kế toán	Giỏi	
247	124	22631281	Nguyễn Thị Thùy	Dương	18CKT10	18	Kế toán	Giỏi	
248	123	22631280	Cao Trần Thúy	Hằng	18CKT10	18	Kế toán	Giỏi	
249	122	22631282	Dương Thị Thu	Thùy	18CKT10	18	Kế toán	Giỏi	
250	121	22631304	Phan Thị Kim	Ngân	18CKT11	18	Kế toán	Giỏi	
251	120	22631303	Lê Yến	Như	18CKT11	18	Kế toán	Giỏi	
252	119	22631324	Trần Thị Kim	Thắm	18CKT11	18	Kế toán	Giỏi	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
253	118	22631349	Nguyễn Như	Quỳnh	18CKT12	18	Kế toán	Giỏi	
254	117	22631359	Trần Thị Ngọc	Yến	18CKT12	18	Kế toán	Giỏi	
255	116	22631411	Nguyễn Quỳnh	Như	18CKT14	18	Kế toán	Giỏi	
256	115	22631424	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	18CKT15	18	Kế toán	Giỏi	
257	114	22631430	Hồ Nguyễn Ngọc	Trình	18CKT15	18	Kế toán	Giỏi	
258	113	22631440	Phan Thị Trúc	Xinh	18CKT15	18	Kế toán	Giỏi	
259	112	22631475	Lê Thị Hoàng	Anh	18CKT16	18	Kế toán	Giỏi	
260	111	22631464	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CKT16	18	Kế toán	Giỏi	
261	110	22631497	Nùng Ngọc	Nguyên	18CKT17	18	Kế toán	Giỏi	
262	109	22631496	Huỳnh Lưu Tú	Trình	18CKT17	18	Kế toán	Giỏi	
263	108	22631517	Võ Nguyễn Kim	Lụa	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
264	107	22631512	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
265	106	22631536	Yến Bảo	Nghi	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
266	105	22631519	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
267	104	22631535	Lưu Thị	Phương	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
268	103	22631518	Vũ Minh	Tâm	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
269	102	22631534	Trần Thị Thanh	Trúc	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
270	101	22631531	Nguyễn Bảo Trúc	Vy	18CKT18	18	Kế toán	Giỏi	
271	100	22631572	Trần Thị Thanh	Huyền	18CKT20	18	Kế toán	Giỏi	
272	99	20631288	Nguyễn Thị Thúy	Vy	16CKT04	16	Kế toán	Khá	
273	98	21631012	Trương Lê Gia	Hân	17CKT01	17	Kế toán	Khá	
274	97	21631051	Lâm Tuyết	Ngân	17CKT02	17	Kế toán	Khá	
275	96	21631172	Tạ Thị	Chăm	17CKT06	17	Kế toán	Khá	
276	95	21631353	Trần Lê Kim	Ngân	17CKT12	17	Kế toán	Khá	
277	94	21631455	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	17CKT16	17	Kế toán	Khá	
278	93	22631049	Phạm Thị Thanh	Huyền	18CKT02	18	Kế toán	Khá	
279	92	22631040	Trần Thị Thanh	Thủy	18CKT02	18	Kế toán	Khá	
280	91	22631066	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18CKT03	18	Kế toán	Khá	
281	90	22631086	Nguyễn Yến Ngọc	Quyên	18CKT03	18	Kế toán	Khá	
282	89	22631079	Võ Thị	Thơ	18CKT03	18	Kế toán	Khá	
283	88	22631070	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	18CKT03	18	Kế toán	Khá	
284	87	22631102	Trần Thị Thùy	Linh	18CKT04	18	Kế toán	Khá	
285	86	22631114	Phạm Hoàng	Phúc	18CKT04	18	Kế toán	Khá	
286	85	22631107	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	18CKT04	18	Kế toán	Khá	
287	84	22631148	Nguyễn Thanh	Giàu	18CKT05	18	Kế toán	Khá	
288	83	22631130	Lê Thị Huỳnh	Nga	18CKT05	18	Kế toán	Khá	
289	82	22631123	Tổng Võ Huỳnh	Như	18CKT05	18	Kế toán	Khá	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
290	81	22631147	Nguyễn Ý	Như	18CKT05	18	Kế toán	Khá	
291	80	22631171	Lý Thị Kim	Hoàng	18CKT06	18	Kế toán	Khá	
292	79	22631180	Nguyễn Ngọc Kim	Thoa	18CKT06	18	Kế toán	Khá	
293	78	22631186	Nguyễn Huỳnh Thuý	Hiền	18CKT07	18	Kế toán	Khá	
294	77	22631198	Nguyễn Thị	Hương	18CKT07	18	Kế toán	Khá	
295	76	22631187	Võ Nguyễn Minh	Trúc	18CKT07	18	Kế toán	Khá	
296	75	22631223	Đoàn Thị Tuyết	Nhi	18CKT08	18	Kế toán	Khá	
297	74	22631246	Lâm Tuyết	Nhi	18CKT09	18	Kế toán	Khá	
298	73	22631269	Đặng Thị Kiều	Oanh	18CKT09	18	Kế toán	Khá	
299	72	22631270	Đào Hồng	Quyên	18CKT09	18	Kế toán	Khá	
300	71	22631291	Phan Thị Thu	Huyền	18CKT10	18	Kế toán	Khá	
301	70	22631293	Trần Nguyễn Yên	Nhi	18CKT10	18	Kế toán	Khá	
302	69	22631273	Lương Nguyễn Thi	Thảo	18CKT10	18	Kế toán	Khá	
303	68	22631290	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	18CKT10	18	Kế toán	Khá	
304	67	22631326	Trần Thị Mộng	Bình	18CKT11	18	Kế toán	Khá	
305	66	22631319	Cao Ngọc Thùy	Dương	18CKT11	18	Kế toán	Khá	
306	65	22631314	Lê Thị Mỹ	Trân	18CKT11	18	Kế toán	Khá	
307	64	22631341	Trần Thị Thanh	Bình	18CKT12	18	Kế toán	Khá	
308	63	22631417	Nguyễn Thị Trà	My	18CKT14	18	Kế toán	Khá	
309	62	22631391	Lê Thị Bích	Trâm	18CKT14	18	Kế toán	Khá	
310	61	22631431	Mỵ Thị Ánh	Tuyết	18CKT15	18	Kế toán	Khá	
311	60	22631445	Nguyễn Thị Kim	Thảo	18CKT15	18	Kế toán	Khá	
312	59	22631473	Võ Thị Mỹ	Hạnh	18CKT16	18	Kế toán	Khá	
313	58	22631472	Phạm Thị Minh	Mẫn	18CKT16	18	Kế toán	Khá	
314	57	22631466	Phan Thị Anh	Thơ	18CKT16	18	Kế toán	Khá	
315	56	22631489	Trương Hà	Ni	18CKT17	18	Kế toán	Khá	
316	55	22631500	Hàng Bờ Su	Quý	18CKT17	18	Kế toán	Khá	
317	54	22631486	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18CKT17	18	Kế toán	Khá	
318	53	22631487	Đinh Trần Quốc	Tuấn	18CKT17	18	Kế toán	Khá	
319	52	22631527	Hoàng Lê Trúc	Mỹ	18CKT18	18	Kế toán	Khá	
320	51	22631522	Nguyễn Thị Yên	Nhi	18CKT18	18	Kế toán	Khá	
321	50	22631523	Võ Thị Ý	Nhi	18CKT18	18	Kế toán	Khá	
322	49	22631530	Nguyễn Huỳnh Bảo	Xuyên	18CKT18	18	Kế toán	Khá	
323	48	22631569	La Thị Thu	Hoài	18CKT19	18	Kế toán	Khá	
324	47	22631552	Phạm Thị Anh	Thư	18CKT19	18	Kế toán	Khá	
325	46	20631034	Trần Thị Thanh	Tuyền	16CKT01	16	Kế toán	Trung bình	
326	45	20631134	Lê Thị Mỹ	Tiên	16CKT02	16	Kế toán	Trung bình	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
327	44	20631133	Trịnh Thị Huyền	Trang	16CKT02	16	Kế toán	Trung bình	
328	43	21631046	Huỳnh Ngọc	Thiện	17CKT02	17	Kế toán	Trung bình	
329	42	21631077	Đoàn Thị Quỳnh	Như	17CKT03	17	Kế toán	Trung bình	
330	41	21631078	Nguyễn Thị Thu	Thảo	17CKT03	17	Kế toán	Trung bình	
331	40	21631103	Phan Lệ	Mẫn	17CKT04	17	Kế toán	Trung bình	
332	39	21631137	Phạm Minh	Quân	17CKT05	17	Kế toán	Trung bình	
333	38	21631224	Nguyễn Thị Minh	Thư	17CKT08	17	Kế toán	Trung bình	
334	37	21631272	Hồ Thị Yên	Nhi	17CKT10	17	Kế toán	Trung bình	
335	36	21631329	Võ Thị Nhật	Lam	17CKT11	17	Kế toán	Trung bình	
336	35	21631312	Trần Thị Yên	Nhi	17CKT11	17	Kế toán	Trung bình	
337	34	21631336	Nguyễn Hữu	Đức	17CKT12	17	Kế toán	Trung bình	
338	33	22631060	Vũ Thị Kim	Anh	18CKT02	18	Kế toán	Trung bình	
339	32	22631055	Nguyễn Thị Kim Phương	Dung	18CKT02	18	Kế toán	Trung bình	
340	31	22631076	Lê Mộng	Bình	18CKT03	18	Kế toán	Trung bình	
341	30	22631065	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	18CKT03	18	Kế toán	Trung bình	
342	29	22631087	Phạm Nhật	Trường	18CKT03	18	Kế toán	Trung bình	
343	28	22631098	Đỗ Thị Minh	Thư	18CKT04	18	Kế toán	Trung bình	
344	27	22631093	Trần Nguyễn Mai	Trinh	18CKT04	18	Kế toán	Trung bình	
345	26	22631131	Cao Yên	Nhi	18CKT05	18	Kế toán	Trung bình	
346	25	22631121	Trần Thị Phương	Trinh	18CKT05	18	Kế toán	Trung bình	
347	24	22631142	Nguyễn Thị Mai	Trúc	18CKT05	18	Kế toán	Trung bình	
348	23	22631165	Mai Thị Ngọc	Diễm	18CKT06	18	Kế toán	Trung bình	
349	22	22631163	Phan Thị Thu	Hiền	18CKT06	18	Kế toán	Trung bình	
350	21	22631172	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	18CKT06	18	Kế toán	Trung bình	
351	20	22631199	Ân Thị Mỹ	Dinh	18CKT07	18	Kế toán	Trung bình	
352	19	22631244	Lê Thị Minh	Thư	18CKT09	18	Kế toán	Trung bình	
353	18	22631277	Phạm Thị Như	Hằng	18CKT10	18	Kế toán	Trung bình	
354	17	22631296	Lê Thị Thùy	Trang	18CKT10	18	Kế toán	Trung bình	
355	16	22631286	Trương Phạm Hoàng	Yên	18CKT10	18	Kế toán	Trung bình	
356	15	22631469	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	18CKT16	18	Kế toán	Trung bình	
357	14	22634009	Nguyễn Thị Mỹ	An	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
358	13	22634032	Trần Thị Trúc	My	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
359	12	22634005	Nguyễn Thanh	Nghĩa	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
360	11	22634004	Nguyễn Ngọc Yên	Nhi	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
361	10	22634028	Vũ Ngọc Uyên	Nhi	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
362	9	22634037	Trần Thị Quỳnh	Như	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
363	8	22634006	Nguyễn Gia	Phúc	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	

STT	Số ghế	MSSV	Họ và tên		Lớp	Khóa	Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
364	7	22634035	Trần Ngọc Bảo	Trân	18CAD01	18	Kiểm toán	Giỏi	
365	6	21634004	Hồ Ngọc	Nhuận	17CAD01	17	Kiểm toán	Khá	
366	5	22634010	Cao Thị Thùy	Dân	18CAD01	18	Kiểm toán	Khá	
367	4	22634027	Mai Thị Cẩm	Quyên	18CAD01	18	Kiểm toán	Khá	
368	3	21634007	Trần Thị Thu	Hân	17CAD01	17	Kiểm toán	Trung bình	
369	2	21634030	Trần Kiều	Mi	17CAD01	17	Kiểm toán	Trung bình	
370	1	21634018	Huỳnh Thị Mỹ	Trà	17CAD01	17	Kiểm toán	Trung bình	

Tổng cộng: 370 sinh viên./.